

CTY CP ĐT HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM

ĐỊA CHỈ: 50 TÔN THẤT ĐẠM, QUẬN 1, TP.HCM

Mẫu số B 02a - DN

(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2010

Đơn vị tính : đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2010	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 1	
				Năm 2010	Năm 2009
1	2	3	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	41,301,861,404	41,301,861,404	44,311,719,217
2. Các khoản giảm trừ	2		0	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		41,301,861,404	41,301,861,404	44,311,719,217
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	225,532,568	225,532,568	150,896,504
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		41,076,328,836	41,076,328,836	44,160,822,713
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	74,943,635,308	74,943,635,308	36,493,435,431
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7,270,169,670	7,270,169,670	5,338,460,432
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6,982,671,820	6,982,671,820	6,883,511,348
8. Chi phí bán hàng	24		24,843,455,111	24,843,455,111	24,324,310,651
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,902,820,438	2,902,820,438	1,931,153,858
10. Lợi nhuận thuần từ HĐ kinh doanh	30		81,003,518,925	81,003,518,925	49,060,333,203
11. Thu nhập khác	31		226,525,224	226,525,224	1,239,975,426
12. Chi phí khác	32		2,574,902	2,574,902	11,617,465
13. Lợi nhuận khác	40		223,950,322	223,950,322	1,228,357,961
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		81,227,469,247	81,227,469,247	50,288,691,164
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	15,941,081,827	15,941,081,827	1,767,891,216
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		65,286,387,420	65,286,387,420	48,520,799,948
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		914	914	1,271

Người lập biểu

[Signature]

Vũ Thị Thủy

Kế toán trưởng

[Signature]

Lê Quốc Toàn

TP. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2010



LÊ VŨ HOÀNG